

Bản án số: 149/2025/LĐ-PT
Ngày 03-9-2026
V/v tranh chấp xử lý kỷ luật theo
hình thức sa thải

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Luật

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Lực

Bà Nguyễn Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Nhân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 8 và ngày 03 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 64/2026/TLPT-LĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026 về việc: “Tranh chấp xử lý kỷ luật theo hình thức sa thải”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 01/2026/LĐ-ST ngày 09/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4747/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1985, địa chỉ: Khu phố C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Quốc L, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp K, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/8/2025); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Trọng Ê, là Luật sư Công ty TNHH T2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (nay là Đoàn Luật sư tỉnh Đ); có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần C; địa chỉ: Ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Tuấn Đ, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1162/GUQ-CSPH ngày 05/8/2026).

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Văn P1, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Công ty C tọa lạc tại ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Công ty C tọa lạc tại ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

3. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Công ty C tọa lạc tại ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

4. Ông Phạm Hữu Đ1, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Công ty C tọa lạc tại ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

5. Ông Vương Văn V; địa chỉ: Khu phố A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

6. Ông Đinh Viết B, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp A, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

7. Bà Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp C, khu phố T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

8. Ông Bành Đức H1, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp C, khu phố T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

9. Bà Cao Thị H2, sinh năm 1990; địa chỉ: Số D, khu phố D H, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

10. Bà Lường Thị L1, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp A, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị P ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần C từ năm 2006 với vị trí công việc là công nhân, hợp đồng không thời hạn. Sau đó, bà P được bổ nhiệm là Đội phó Đội sản xuất 7 của Nông trường cao su T3, công việc được phân công là: Cân mủ, lấy mẫu, kiểm tra kỹ thuật cạo của công nhân, điểm danh công nhân. Vào các ngày 05/12/2024, 06/12/2024, 08/12/2024, Nông trường cao su T kiểm tra bà P cân mủ và phát hiện bà cân sai 271kg mủ. Ngày 24/01/2025, Công ty Cổ phần C ban hành quyết định sa thải đối với bà Nguyễn Thị P. Ngày 24/01/2025, bà P nhận được quyết định xử lý kỷ luật lao động, bà không đồng ý. Theo quy định tại Bộ luật Lao động thì hành vi của bà P không đến mức xử lý kỷ luật lao động sa thải mà chỉ bị kéo dài thời gian nâng lương

hoặc cách chức. Và theo nội quy lao động thì trong thời gian bà P làm việc tại công ty, bà không vi phạm nội quy cũng như không bị xử lý kỷ luật lần nào. Việc công ty giao cho bà P nhiều việc cùng một lúc dẫn đến sự nhầm lẫn, sai sót. Bà P cân sai 271kg mủ nước thì công ty chỉ phải trả lương cho công nhân tương ứng với 3.500 đồng/01kg, thiệt hại của công ty là hơn 700.000 đồng, chưa đến mức bị sa thải. Vì vậy, bà P không vi phạm nội quy lao động của công ty và quy định tại Bộ luật Lao động. Bà P chỉ đồng ý với biện pháp xử lý nhắc nhở chứ không đồng ý với việc công ty S bà P. Nguyên đơn bà P yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy Quyết định xử lý kỷ luật sa thải bà Nguyễn Thị P số 60/QĐ-CSPH ngày 24/01/2025 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần C.

+ Buộc Công ty Cổ phần C tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động, mã số HĐLĐ: T.1613. Mã số NV: 09563. Mã số BHXH: 9104078178 đối với người lao động Nguyễn Thị P, sinh ngày 02/10/1985 theo quy định của pháp luật.

+ Buộc Công ty Cổ phần C có nghĩa vụ: Chi trả tiền thưởng năm 2024 cho người lao động gồm: Tiền thưởng 9.500.000 đồng, tiền tiên tiến A là 700.000 đồng, tiền chức danh là 5.000.000 đồng, tổng số tiền là 15.200.000 đồng. Bồi thường tiền công lao động từ ngày ra quyết định xử lý kỷ luật lao động v/v Sa thải bà Nguyễn Thị P số 60/QĐ-CSPH ngày 24/01/2025 trái quy định gây thiệt hại nghiêm trọng quyền lợi của bà P, cụ thể: Bồi thường tiền công lao động theo bảng lương bà P thực lãnh là 330.000 đồng/01 ngày, từ ngày 25/02/2025, tương đương 30 ngày/tháng, tính đến thời điểm mở phiên họp công khai chứng cứ khoảng 08 tháng.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị P ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần C năm 2006, hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Nơi làm việc là Nông trường cao su T - thuộc Công ty Cổ phần C. Vị trí làm việc cụ thể của bà P có thay đổi do được điều động chuyển công tác số 64/QĐ-NTTH ngày 28/3/2024, bà P được bổ nhiệm giữ chức vụ: Đội phó Đội 7 thuộc Nông trường cao su T, kể từ ngày 01/4/2024. Về quy trình công việc cụ thể của bà P được Giám đốc Nông trường cao su T3 quy định. Nông trường tiến hành kiểm tra bà P cân mủ vào các ngày 05/12/2024, 06/12/2024, 08/12/2024, phát hiện bà P cân sai 271kg mủ. Qua trích xuất dữ liệu camera các ngày trên thì thấy bà P không cân mủ cho các công nhân nhưng lại ghi có mủ giao. Đây là hành vi cố ý của bà P. Từ việc ghi sai tổng lượng mủ sẽ gây thiệt hại về tài sản của công ty: Thứ nhất, công ty không có lượng mủ 271kg thu vào nhưng vẫn phải chịu số lượng tổng số kg mủ như bà P đã ghi với giá 12.000 đồng/01kg mủ nước. Thứ hai, là số tiền công phải trả cho công nhân tương đương 3.500 đồng/01kg mủ nước. Tổng số tiền thiệt hại của công ty khoảng 4.100.000 đồng. Tại biên bản kiểm tra đội sản xuất - Đội 7 ngày 10/12/2024, thì Nông trường trình Công ty giải quyết đối với vi phạm của bà P. Nông trường tiến hành lập biên bản xử lý vi phạm kỷ luật lao động ngày 30/12/2024. Ngày 24/01/2025, Công ty Cổ phần C ban hành quyết

định sa thải đối với bà Nguyễn Thị P. Ngày 24/01/2025, bà P nhận được quyết định xử lý kỷ luật lao động. Do đó, ý kiến của bà P cho rằng công ty V1 thời hạn xử lý kỷ luật lao động là không đúng. Đối với hành vi của bà P đã vi phạm Điều 122 của Bộ luật Lao động và khoản b khoản 1 Điều 25 Nội quy lao động. Vì vậy, Công ty Cổ phần C ban hành Quyết định xử lý kỷ luật sa thải đối với bà Nguyễn Thị P là đúng quy định, quy trình giải quyết của công ty đối với bà P là đúng thời hạn. Từ việc vi phạm của bà P mà công ty S bà và không xét khen thưởng, các khoản cuối năm cho bà P. Do đó, yêu cầu bồi thường tiền thưởng và lương cho bà P là không có căn cứ. Hiện nay, công ty không có nhu cầu nhận bà P lại làm việc nên không đồng ý tiếp tục hợp đồng lao động với bà P. Nay, Công ty Cổ phần C không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trước đây, công ty có yêu cầu bà P bồi thường cho công ty số mũ thất thoát là 271kg tương ứng với số tiền 4.100.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, công ty không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Nay, công ty không yêu cầu bà P phải bồi thường thiệt hại trên.

** Tại bản tự khai người làm chứng bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà N là thành viên đoàn kiểm tra Đội sản xuất - Đội 7, Nông trường cao su T vào ngày 10/12/2024. Tại thời điểm kiểm tra, bà là Chủ tịch Công đoàn, ông Trần Văn P1 (Trưởng đoàn), ông Vương Văn V và ông Nguyễn Minh T; về phía Đội 7 có ông Phạm Hữu Đ1 và bà Nguyễn Thị P. Thông qua việc trích xuất camera tại điểm giao nhận mũ tại các ngày 05/12/2024, 06/12/2024, 08/12/2024 và kết quả xác minh thực tế, đoàn kiểm tra phát hiện sai phạm như: Số lượng mũ trên thực tế ít hơn số lượng mũ được bà P ghi nhận (bà P ghi tăng khoảng 271 kg mũ nước), cụ thể: Ngày 05/12/2024, công nhân Bành Đức H1 không đem mũ của mình lên bàn cân mà chỉ hỗ trợ cân phụ nhưng sổ ghi nhận sản lượng mũ của ông H1 là 32 kg, không ghi nhận hình ảnh công nhân H lên điểm giao mũ nhưng sổ ghi sản lượng ghi nhận sản lượng mũ của bà H là 40 kg. Ngày 06/12/2024, không ghi nhận hình ảnh công nhân H1 lên địa điểm giao mũ nhưng sổ ghi sản lượng ông H1 giao 55kg mũ. Ngày 08/12/2024, không ghi nhận hình ảnh của công nhân H1 lên địa điểm giao mũ nhưng sổ ghi sản lượng mũ của ông H1 là 52kg, không ghi nhận hình ảnh của công nhân L1 cân mũ nhưng sổ ghi nhận sản lượng mũ của bà L1 là 45kg. Bà N tham gia vào hầu hết các buổi làm việc, phiên họp xử lý kỷ luật liên quan. Tại các lần làm việc, bà P đều thừa nhận hành vi sai phạm của mình, đồng thời xin giảm nhẹ hình thức kỷ luật. Tuy nhiên, công ty T4 trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động theo quy định của pháp luật hiện hành, không xâm phạm quyền lợi của người lao động.

** Người làm chứng ông Trần Văn P1 trình bày:*

Ngày 10/12/2024, chấp hành chỉ đạo của Giám đốc Nông trường về việc kiểm tra, xác minh công tác quản lý và nghiệm thu sản lượng mũ tại Đội sản xuất 7. Thông qua kiểm tra camera các ngày 05/12/2024, 06/12/2024, 08/12/2024 tại điểm giao mũ và nhận kết quả xác minh thực tế, đoàn kiểm tra phát hiện sai phạm của bà P. Số lượng mũ trên thực tế ít hơn số lượng mũ được bà P ghi nhận (bà P ghi tăng khoảng 271 kg mũ nước). Sai phạm trong lấy mẫu

xác định TSC, bà P lấy mẫu của 01 công nhân để đo TSC và ghi cho nhiều người. Ghi nhận trường hợp công nhân không đến điểm cân mẫu hoặc có đến nhưng không giao mẫu mà vẫn ghi nhận sản lượng, cụ thể: Ngày 05/12/2024, công nhân Bành Đức H1 không đem mẫu của mình lên bàn cân mà chỉ hỗ trợ cân phụ nhưng sổ ghi nhận sản lượng mẫu của ông H1 là 32kg, không ghi nhận hình ảnh công nhân H lên điểm giao mẫu nhưng sổ ghi sản lượng ghi nhận sản lượng mẫu của bà H là 40kg. Ngày 06/12/2024, không ghi nhận hình ảnh công nhân H1 lên địa điểm giao mẫu nhưng sổ ghi sản lượng ông H1 giao 55kg mẫu. Ngày 08/12/2024, không ghi nhận hình ảnh của công nhân H1 lên địa điểm giao mẫu nhưng sổ ghi sản lượng mẫu của ông H1 là 52kg, không ghi nhận hình ảnh của công nhân L1 cân mẫu nhưng sổ ghi nhận sản lượng mẫu của bà L1 là 45kg. Bà P thừa nhận sai phạm nhưng không ký vào biên bản. Sau khi lập biên bản về hành vi sai phạm của bà P thì công ty tiến hành phiên họp và trình tự đề sa thải bà P theo quy định của pháp luật và nội quy công ty.

** Người làm chứng ông Nguyễn Minh T trình bày:*

Ngày 10/12/2024, ông T nhận được tin báo về việc có gian lận cân mẫu tại Đội 7 - Nông trường cao su T. Ông tham gia cùng đoàn kiểm tra, có mặt bà Nguyễn Thị P, xác nhận đúng sự việc bà P cân sai 271kg mẫu nước. Sau khi kết thúc biên bản thì ông cùng những người tham gia đã ký tên vào biên bản nhưng bà P không ký.

** Người làm chứng ông Phạm Hữu Đ1 trình bày:*

Ngày 10/12/2024, ông tham gia cùng đoàn kiểm tra tại Đội 7 - Nông trường cao su T. Ông kiểm tra camera, có bà P cùng kiểm tra, xác nhận đúng sự việc bà P cân sai 271kg mẫu nước. Sau khi kết thúc biên bản thì ông cùng những người tham gia đã ký tên vào biên bản nhưng bà P không ký.

** Tại Bản án lao động sơ thẩm số 01/2026/LĐ-ST ngày 09/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:*

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P đối với bị đơn Công ty Cổ phần C về việc “Tranh chấp xử lý kỷ luật theo hình thức sa thải”, đối với các yêu cầu:

- Hủy Quyết định xử lý kỷ luật sa thải bà Nguyễn Thị P số 60/QĐ-CSPH ngày 24/01/2025 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần C.

- Buộc Công ty Cổ phần C tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động, mã số HĐLĐ: T.1613. Mã số NV: 09563. Mã số BHXH: 9104078178 đối với người lao động Nguyễn Thị P, sinh ngày 02/10/1985 theo quy định của pháp luật.

- Buộc Công ty Cổ phần C có nghĩa vụ: Chi trả tiền thưởng năm 2024 cho người lao động gồm: Tiền thưởng 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng), tiền tiên tiến A là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng), tiền chức danh là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), tổng số tiền là 15.200.000 đồng (mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng); bồi thường tiền công lao động từ ngày ra quyết định

xử lý kỷ luật lao động sa thải là từ ngày 25/02/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 330.000 đồng (ba trăm ba mươi nghìn đồng)/01 ngày.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 20/3/2026 nguyên đơn bà Nguyễn Thị P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Phạm Trọng Ê trình bày:*

Thứ nhất: Xét về Quyết định xử lý kỷ luật sa thải số 60/QĐ-CSPH ngày 24/01/2025 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần C như sau: Quyết định xử lý kỷ luật sa thải số 60/QĐ-CSPH ngày 24/01/2025 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần C đối với bà Nguyễn Thị P là căn cứ vào Biên bản kiểm tra đội sản xuất - Đội 7 ngày 10/12/2024, Biên bản vi phạm nội quy lao động ngày 20/12/2024 để ban hành ra quyết định kỷ luật sa thải đối với công nhân đã có cống hiến làm việc trên 20 năm. Như vậy, tôi thấy rằng Công ty ban hành các quyết định nêu trên hoàn toàn chưa chính xác. Bởi vì số liệu theo trình bày của bị đơn đều ghi tính khoảng, hơn nữa số tiền thất thoát của Công ty cũng hoàn toàn không xác định được bà P lấy hay thuộc về cá nhân nào. Toàn bộ số mũ cao su khi bà P cân xong đều đã giao lại xe công ty là hết trách nhiệm. Thứ hai, quá trình kiểm tra camera tại 3 ngày: ngày 05, 06 và ngày 08 tháng 12 năm 2014 để chứng tỏ rằng bà P làm sai nội quy lao động là chưa chính xác do số lượng cân mũ đều tính “Khoảng” không có số lượng cụ thể. Mà tại sao lại có hai biên bản: một biên bản là 174 kg, một biên bản ghi 271kg? Đối với bà P là một người đã làm việc nhiều năm, giữ chức đội phó, là một người có uy tín, đã được công ty giao cho thực hiện công việc này. Từ những quyết định này đã gây thiệt hại nghiêm trọng đối với bà P, một người công nhân chân chính, từng đạt xuất sắc lao động của công ty, được nhận rất là nhiều bằng khen. Do đó thì tôi đề nghị phía bà P cung cấp cho Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc để giải quyết vụ án. Phiên tòa hôm nay, bị đơn chưa trình bày được phần thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty N1, vấn đề này chưa được rõ ràng. Như vậy, áp dụng nội quy lao động để sa thải bà P, cho rằng ngay tại điểm b Điều 25 Nội quy của công ty "thiệt hại gây thiệt hại nghiêm trọng", thì thiệt hại tới đâu, tới mức độ như nào chưa được làm rõ. Thứ ba, camera đã quay trực tiếp và bằng mắt thường nhìn thấy, mắt thường mà chỉ ước lượng và tính “khoảng”. Hơn nữa, quyết định sa thải do Tổng Giám đốc là ông Nguyễn Văn T1 ký. Trong hồ sơ hoàn toàn không có quyết định bổ nhiệm của Tổng Giám đốc nên chưa thấy đúng thẩm quyền và đúng trình tự ban hành. Tại phiên tòa sơ thẩm, hoàn toàn không triệu tập những

người làm chứng để làm rõ việc Công ty T5 bao nhiêu mà lại công nhận quyết định sa thải là đúng.

Do đó, tôi đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

** Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P được thực hiện trong thời hạn luật định, nên việc kháng cáo là hợp lệ.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải”, bị đơn có trụ sở tại xã P, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19- Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, bà P kháng cáo cho rằng việc Công ty áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 25 Nội quy lao động để ra quyết định sa thải, đuổi việc bà P là không đúng quy định của Bộ Luật Lao động, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi của người lao động do mất việc làm, ảnh hưởng, thiệt hại nghiêm trọng đến sinh hoạt gia đình của người lao động.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Bà Nguyễn Thị P ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần C từ năm 2006 với vị trí công việc là công nhân, hợp đồng không thời hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng lao động, ngày 20/12/2024, Công ty Cổ phần C lập biên bản vi phạm nội quy lao động với vi phạm của bà P. Bà P thừa nhận có vi phạm nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản. Ngày 30/12/2024, Công ty Cổ phần C họp xử lý kỷ luật lao động đối với bà P có đủ các thành phần theo quy định. Ngày 24/01/2025, ông Nguyễn Văn T1 - Tổng Giám đốc, là người đại diện theo

pháp luật của công ty ký Quyết định số 60/QĐ-CSPH ngày 24/01/2025 về việc xử lý kỷ luật lao động sa thải đối với bà Nguyễn Thị P.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà P và người đại diện của mình nhiều lần khẳng định không vi phạm kỷ luật lao động, do bà P làm nhiều việc cùng một lúc dẫn đến sự nhầm lẫn, sai sót và không đến mức phải xử lý kỷ luật sa thải.

[2.2] Xét về trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật:

Khi lập biên bản vi phạm nội quy đối với bà P, Công ty đều ra thông báo tổ chức cuộc họp xử lý kỷ luật lao động. Bà P được thông báo và đã tham gia phiên họp. Tại Biên bản họp xử lý kỷ luật lao động ngày 30/12/2024, bà P có ý kiến: *“Tôi không thông đồng móc nối với công nhân. Nếu tôi thông đồng sao bảo vệ không biết và thông đồng bằng cách nào, công nhân đưa mủ ra ngoài bằng cách nào”*. Biên bản này có chữ ký và ý kiến của bà P. Các biên bản vi phạm nội quy, họp xử lý kỷ luật lao động đều ghi nhận sự có mặt bà P và bà P nêu ý kiến nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản, sự việc này có sự chứng kiến của người làm chứng và chữ ký của tất cả những người tham gia họp xử lý kỷ luật.

Như vậy, về thành phần tham gia, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật sa thải đối với bà P, Công ty đã thực hiện đúng quy định tại Điều 122 Bộ luật Lao động năm 2019 và Điều 70 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

[2.3] Về căn cứ ban hành quyết định kỷ luật sa thải:

Xét thấy, ngày 11/10/2021, Công ty Cổ phần C ban hành nội quy lao động và đăng ký theo quy định tại Điều 118, Điều 121 của Bộ luật Lao động nên nội quy lao động có hiệu lực và được áp dụng tại Công ty Cổ phần C. Tại điểm b khoản 1 Điều 25 Nội quy lao động có quy định: *“Thiếu tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao, cố ý làm sai các quy định trong nghiệm thu, quản lý tài chính, tiền vốn, tiền lương, vật tư lao động gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản đơn vị”*. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, ngày 10/12/2024, Nông trường cao su T lập biên bản kiểm tra Đội sản xuất - Đội 7, kết luận: Bà P ghi sai số liệu mủ của công nhân, trong các ngày 5, ngày 6, ngày 8 tháng 12 năm 2024 tổng số mủ là 271kg.

Như vậy, các sai phạm của bà P thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng lao động; b khoản 1 Điều 25 Nội quy lao động; Điều 118 và khoản 2 Điều 125 Bộ luật Lao động năm 2019, nên người sử dụng lao động áp dụng hình thức kỷ luật lao động theo hình thức sa thải đối với bà P là đúng pháp luật.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện bị đơn trình bày không đồng ý nhận bà P lại làm việc, không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động với bà P, do đó, đối với yêu cầu của nguyên đơn bà P buộc Công ty Cổ phần C tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động, mã số HĐLĐ: T.1613. Mã số NV:

09563. Mã số BHXH: 9104078178 đối với người lao động Nguyễn Thị P, sinh ngày 02/10/1985 theo quy định của pháp luật là không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp.

[2.5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn Công ty Cổ phần C có nghĩa vụ chi trả tiền thưởng năm 2024 cho người lao động gồm: Tiền thưởng 9.500.000 đồng, tiền tiên tiến A là 700.000 đồng, tiền chức danh là 5.000.000 đồng, tổng số tiền là 15.200.000 đồng. Bồi thường tiền công lao động từ ngày ra Quyết định xử lý kỷ luật lao động về việc sa thải bà Nguyễn Thị P số 60/QĐ-CSPH ngày 24/01/2025 số tiền là 330.000 đồng/01 ngày, từ ngày 25/02/2025 đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Do yêu cầu của nguyên đơn hủy Quyết định xử lý kỷ luật sa thải số 60/QĐ-CSPH ngày 24/01/2025 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần C không được chấp nhận nên không có căn cứ buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn các khoản tiền thưởng, tiền ngày công không được làm việc.

Nguyên đơn kháng cáo, nhưng không chứng minh được yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và đúng pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 161, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 118, Điều 122 và khoản 2 Điều 125 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 70 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 01/2026/LĐ-ST ngày 09/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P được miễn án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 19;
- TAND Khu vực 19 - TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa LD, 12b (70).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Văn Luật